

Số: **03** /2022/NQ-HĐND

Vĩnh Phúc, ngày **20** tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng và số lượng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trang bị cho đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ 7

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành;

Xét Tờ trình số 156/TTr-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng và số lượng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trang bị cho đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc; Báo cáo số 171/BC-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng và số lượng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trang bị cho đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng và số lượng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trang bị cho đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

1. Mức hỗ trợ thường xuyên hằng tháng cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng

a) Đội trưởng đội dân phòng mức hỗ trợ bằng 16% mức lương tối thiểu vùng/tháng.

b) Đội phó đội dân phòng mức hỗ trợ bằng 15% mức lương tối thiểu vùng/tháng.

2. Số lượng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trang bị cho một đội dân phòng

a) Số lượng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trang bị cho một đội dân phòng quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

b) Quy định chuyển tiếp: Đội dân phòng đã được trang bị phương tiện bằng hoặc cao hơn số lượng quy định tại Nghị quyết này trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực vẫn tiếp tục sử dụng cho đến khi hỏng hoặc hết hạn sử dụng mới được trang bị thay thế; trường hợp được trang bị thấp hơn quy định tại Nghị quyết này hoặc chưa được trang bị thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này.

3. Kinh phí thực hiện

Từ nguồn ngân sách tỉnh và được bố trí theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Công an;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Đảng ủy Khối các cơ quan, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Thường trực các huyện, thành ủy; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam các huyện, thành phố;
- Báo Vĩnh Phúc, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Cổng Thông tin - Giao tiếp điện tử tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng, Chuyên viên Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Lưu: VT. CT HĐND (01). Q (100).

CHỦ TỊCH



Hoàng Thị Thúy Lan

**Số lượng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ
trang bị cho một đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 03/2022/NQ-HĐND
ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

Số TT	Danh mục	Số lượng	Đơn vị tính	Hạn sử dụng
1	Bình bột chữa cháy xách tay có khối lượng chất chữa cháy không nhỏ hơn 04kg	05	Bình	Theo quy định của nhà sản xuất
2	Bình khí chữa cháy xách tay có khối lượng chất chữa cháy không nhỏ hơn 03kg hoặc bình chữa cháy gốc nước xách tay có dung tích chất chữa cháy không nhỏ hơn 06 lít	05	Bình	Theo quy định của nhà sản xuất
3	Đèn pin (độ sáng 200lm, chịu nước IPX4)	02	Chiếc	Hồng thay thế
4	Rìu cứu nạn (trọng lượng 2kg, cán dài 90cm, chất liệu thép cacbon cường độ cao)	01	Chiếc	Hồng thay thế
5	Xà beng (một đầu nhọn, một đầu dẹt; dài 100 cm)	01	Chiếc	Hồng thay thế
6	Búa tạ (thép cacbon cường độ cao, nặng 5kg, cán dài 50cm)	01	Chiếc	Hồng thay thế
7	Kìm cộng lực (dài 60 cm, tải cắt 60kg)	01	Chiếc	Hồng thay thế
8	Túi sơ cứu loại A (Theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế).	01	Túi	Hồng thay thế
9	Cáng cứu thương (kích thước 186cm x 51cm x 17cm; tải trọng 160kg).	01	Chiếc	Hồng thay thế
10	Thang chữa cháy 5 mét	01	Chiếc	Hồng thay thế
11	Khẩu trang chữa cháy	05	Chiếc	Hồng thay thế
12	Mũ cách nhiệt	05	Chiếc	Hồng thay thế
13	Găng tay cách nhiệt	05	Đôi	Hồng thay thế
14	Ủng cách nhiệt	05	Đôi	Hồng thay thế
15	Quần áo cách nhiệt	05	Bộ	Hồng thay thế
16	Câu liêm chữa cháy	05	Chiếc	Hồng thay thế